

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 07-3-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản và tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hoàng Phong.
2. Ông Nguyễn Thành Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp PL B, xã PT B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Hồ Thanh H, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp PL A, xã PT B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 9 năm 2018); có mặt.

2. Bị đơn: Chị Hồ Thị Mộng C, sinh năm 1989; có mặt.

Anh Trần Thanh Hùng E, sinh năm 1987; có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp PL B, xã PT B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người làm chứng:

3.1 Chị Nguyễn Thị N1 (tên gọi khác: N1'), sinh năm 1977; vắng mặt.

3.2 Ông Hồ Văn G, sinh năm 1961; vắng mặt.

3.3 Bà Đỗ Văn C1, sinh năm 1961; vắng mặt.

3.4 Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1974; vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp PL B, xã PT B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện **ngày 01 tháng 10 năm 2018**, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Hồ Thanh H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Kim N trình bày:

Về tranh chấp hội: Năm 2017, bà N có tham gia chơi nhiều dây hội do chị Hồ Thị Mộng C làm chủ hội, cụ thể từng dây hội như sau:

Ngày 19/04/2017 âm lịch, chị C có mở dây hội 1.000.000đ, mỗi tháng mở một lần, tổng số có 26 phần, bà N tham gia 3 phần, đã góp hội được 13 lần (từ ngày 19/04/2017 đến tháng 03/2018), số tiền 22.500.000đ.

Ngày 16/05/2017 âm lịch, chị C có mở dây hội 1.000.000đ, mỗi tháng mở một lần, tổng số có 25 phần, bà N tham gia 2 phần, đã góp được 12 lần (từ ngày 16/05/2017 đến tháng 03/2018), số tiền 12.000.000đ.

Ngày 27/07/2017 âm lịch, chị C có mở dây hội 1.000.000đ, mỗi tháng mở một lần, tổng số có 20 phần, bà N tham gia 2 phần, đã góp được 9 phần (từ ngày 27/07/2017 đến tháng 03/2018), số tiền 9.000.000đ.

Ngày 24/03/2018 âm lịch, chị Hồ Thị Mộng C mở hội ngày 50.000đ, tổng số có 70 phần, bà N tham gia 5 phần, đã góp được 12 lần, số tiền 2.640.000đ.

Tổng số tiền của 4 chân hội này là $22.500.000đ + 12.000.000đ + 9.000.000đ + 2.640.000đ = 46.140.000đ$.

Ngày 07/04/2018 thì bốn dây hội nêu trên đều ngưng, do chị C bỏ địa phương đi một thời gian, khi trở về thì tuyên bố chấm dứt hội, không trả tiền cho các hội viên đã góp hội trong đó có bà N.

Về hợp đồng vay tài sản: Tháng 05/2017, bà N cho chị C mượn 13 chỉ vàng 24kara vàng 9 tuổi 8, không có làm biên nhận, nhưng lúc giao vàng có chị Nguyễn Thị N1 là người chơi hội chung chứng kiến việc bà N có giao vàng cho chị C. Chị C có hứa thời hạn trả vàng là một tháng, nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Tháng 06/2017, bà N cho chị C vay 12.000.000đ để giao cho các thành viên lĩnh hội. Việc cho mượn không có làm biên nhận, chị C hứa vài ngày sẽ trả tiền nhưng đến nay vẫn chưa trả cho bà N.

Tại đơn khởi kiện bà N yêu cầu chị C và chồng là anh Hùng E cùng trả số tiền hội, tiền mượn và vàng mượn là $46.140.000đ + 12.000.000đ = 58.140.000đ$ và 13 chỉ vàng 24 kara vàng 9 tuổi 8. Tại phiên tòa, anh Hồ Thanh H là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị C và anh Hùng E có trách nhiệm liên đới trả tiền hội là 36.640.000đ, tiền vay

10.000.000đ tổng cộng là 46.640.000đ và 13 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8, không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản lấy lời khai **ngày 02 tháng 11 năm 2018**, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Hồ Thị Mộng C trình bày:

Chị có làm chủ hụi tháng và hụi ngày, bà Nguyễn Kim N có tham gia nhiều dây hụi do chị làm chủ, cụ thể như sau:

Vào ngày 19/4/2017 (âm lịch), chị có mở dây hụi 1.000.000đ, gồm có 26 phần hụi, mỗi tháng mở hụi một lần. Bà N tham gia 01 phần, góp được 13 lần, thành tiền là 13.000.000đ.

Vào ngày 16/5/2017 (âm lịch), chị mở dây hụi 1.000.000đ, gồm có 25 phần, mỗi tháng mở một lần. Bà N tham gia 01 phần, đã đóng được 12 lần, thành tiền là 12.000.000đ.

Vào ngày 27/7/2017 (âm lịch), chị mở dây hụi 1.000.000đ, gồm có 20 phần, mỗi tháng mở một lần. Bà N tham gia 01 phần, đã đóng được 9 lần, thành tiền 9.000.000đ.

Vào ngày 24/3/2018 (âm lịch), chị có mở dây hụi ngày 50.000đ, gồm 70 phần. Bà N tham gia 05 phần hụi, đã đóng được 12 lần, thành tiền là 2.640.000đ. Tổng số tiền hụi chị nợ bà N là 36.640.000đ.

Đối với tiền mượn, chị C có mượn của bà N nhiều lần, cộng lại là 10.000.000đ.

Đối với số vàng, chị C có mượn của bà N 10 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8, nhưng chị đã trả xong, hiện nay không còn nợ vàng của bà N.

Chị C chỉ thống nhất có nợ số tiền hụi là 36.640.000đ, tiền vay 10.000.000đ, tổng cộng là 46.640.000đ, không thống nhất trả 13 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8, vì chị không có mượn số vàng này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Trần Thanh Hùng E trình bày: Anh là chồng của chị Hồ Thị Mộng C. Anh có biết việc chị C làm chủ hụi và kêu bà N là mẹ nuôi. Việc chị C làm chủ hụi mục đích có tiền hoa hồng lo cho gia đình, nay chị C nợ bà N tiền hụi là 36.640.000đ, tiền vay 10.000.000đ, tổng cộng là 46.640.000đ, anh thống nhất liên đới cùng chị C trả tiền cho bà N. Đối với 13 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 bà N yêu cầu, anh không thống nhất vì chị C không có nợ số vàng này.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị N2 trình bày: Bà không có mối quan hệ bà con với bà N và chị Mộng C, chỉ là hàng xóm với nhau. Bà biết chị C là con nuôi của bà N. Vào khoảng năm 2017, bà bán cá, bà N thì bán trái cây ngoài chợ Chòm Nh, thuộc ấp PL B, xã PT B. Chị C có lại chỗ bà bán cá khoe với bà là bà N mới cho chị C mượn hai chiếc nhẫn tròn mỗi chiếc 05 chỉ vàng 24kara. Chị C đem đổi lại hai chiếc nhẫn chữ Tàu vàng 24kara mỗi chiếc 05 chỉ vàng và hỏi bà có đẹp không. Sau đó, ba người cùng dọn cơm ra ăn. Việc chị C nói mượn vàng của bà N thì bà biết còn chuyện trả hay chưa thì bà không biết.

Người làm chứng Nguyễn Thị N1 trình bày: Chị không có bà con với chị C, anh Hùng E, bà N. Chị là bạn của chị Mộng C, chị C có kể cho chị nghe chuyện chị C mượn 10 chỉ vàng 24kra của bà N đi cầm. Bà N đòi, chị mới đi mượn tiền

của chị gái chị để chuộc vàng Mộng C mượn của bà N. Khi chuộc vàng ra chị C có trả cho bà N hay không thì chị không biết. Chị có biết việc chị C làm chủ hụi, chị có tham gia hụi của chị C. Chị C có thiếu tiền hụi chị nhưng chị không có tranh chấp với chị C. Việc chị C có thiếu tiền hụi, tiền mượn hay vàng của bà N không thì chị không biết.

Người làm chứng Hồ Văn G trình bày: Ông là cha ruột của chị Mộng C. Ông có biết việc chị C kêu bà N là mẹ nuôi, còn việc làm ăn giữa bà N và Mộng C thế nào thì ông không biết. Ông cũng không biết chuyện chị C có mượn tiền, vàng của bà N hay không. Ông không biết chuyện chị C làm chủ hụi chỉ khi chị C bế hụi mới biết.

Người làm chứng Đỗ Thị C1 trình bày: Bà là mẹ ruột của chị Mộng C. Bà có biết việc chị C kêu bà N là mẹ nuôi, còn việc chị C có mượn tiền, vàng hay nợ hụi bà N hay không thì bà không biết. Bà có nghe chị N kể lại với bà là chị C không có thiếu vàng của bà N. Lúc trước có mượn của bà N 10 chỉ vàng nhưng đã trả xong. Ngoài ra bà không biết chuyện làm ăn giữa chị C và bà N.

Những nội dung thống nhất và không thống nhất được: Chị Mộng C và anh Hùng E thống nhất liên đới trả cho bà N tiền hụi là 36.640.000đ, tiền vay 10.000.000đ, tổng cộng là 46.640.000đ. Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn, các bị đơn thỏa thuận thống nhất giá vàng 24 kara 9 tuổi 8 là 3.600.000đ/chỉ. Chị C, anh Hùng E không thống nhất trả cho bà N 13 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 vì anh chị không có mượn số vàng này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Hồ Thị Mộng C và anh Trần Thanh Hùng E có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Kim N số tiền hụi 36.640.000đ, tiền vay 10.000.000đ, tổng cộng là 46.640.000đ. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn chị C, anh Hùng liên đới trả số vàng 13 chỉ, vàng 24 kara, 9 tuổi 8.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS); Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phùng.

[2] Những người làm chứng chị Nguyễn Thị N1, ông Hồ Văn G, bà Đỗ Thị C1, bà Nguyễn Thị N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt, không có

lý do nhưng đã có lời khai với Tòa án. Việc vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện của vụ án. Căn cứ với quy định tại khoản 2 Điều 229 của BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa anh Hồ Thanh H là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Kim N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị C và anh Hùng E có trách nhiệm liên đới trả tiền hui là 36.640.000đ, tiền vay 10.000.000đ tổng cộng là 46.640.000đ và 13 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của anh H là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 của BLTTDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Kim N yêu cầu chị Hồ Thị Mộng C và anh Trần Thanh Hùng E cùng liên đới trả tiền hui là 36.640.000đ, tiền vay 10.000.000đ, tổng cộng là 46.640.000đ và 13 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8, không yêu cầu tính lãi.

[5] Xét, việc bà N yêu cầu chị Mộng C và anh Hùng E trả số tiền hui 36.640.000đ, tiền vay 10.000.000đ, tổng cộng là 46.640.000đ, là có cơ sở chấp nhận. Vì, chị Mộng C và anh Hùng E thừa nhận còn nợ bà N tiền hui và tiền vay như yêu cầu của bà N. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của BLTTDS. Về trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng. Mặc dù, việc làm chủ hui và vay tiền do chị Mộng C thực hiện, nhưng tại phiên tòa chị C, anh Hùng E đều thừa nhận việc làm chủ hui là để lấy tiền hoa hồng lo chi tiêu, sử dụng vào nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và anh Hùng E thống nhất liên đới với chị C trả nợ hui và vay cho bà N. Do đó buộc chị C, anh Hùng E cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà N số tiền hui 36.640.000đ, tiền vay 10.000.000đ, tổng cộng là 46.640.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Xét, việc bà N yêu cầu chị Mộng C và anh Hùng E liên đới trả cho bà số vàng 13 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 là chưa có cơ sở chấp nhận. Vì việc bà N cho chị C và anh Hùng E mượn 13 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8, không có làm biên nhận, không có người chứng kiến việc bà N giao vàng cho chị C và anh Hùng E. Bà N, chị C có cung cấp những người làm chứng biết sự việc. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng như ông G, bà C1, bà N1, chị N2 trình bày có nghe chị C kể lại là có mượn của bà N 10 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8, còn có trả hay chưa thì không biết. Tại biên bản đối chất ngày 04 tháng 12 năm 2018, chị C và bà N đều thừa nhận việc chị C có mượn của bà N 10 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 và đã trả là thật. Còn đối với 13 chỉ vàng 24 kara thì chị C không thừa nhận, bà N không có chứng cứ để chứng minh. Tòa án ra Thông báo yêu cầu bà N cung cấp chứng cứ chứng minh chị C và anh Hùng E nợ bà 13 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 nhưng bà N không cung cấp được nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại Điều 91

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07 tháng 3 năm 2019).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thì Trang